

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hà Huy Tập,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Đất đai ngày 29/11/2013,  
Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ  
phê duyệt Quy hoạch chung điều chỉnh thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030,  
tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh  
Nghệ An quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của UBND thành phố Vinh; đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số  
3549/SXD.QHKT ngày 01/12/2020 về việc thẩm định Quy hoạch phân khu phường  
Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và hồ sơ quy hoạch.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hà Huy Tập,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, với các nội dung chính như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hà Huy Tập,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**2. Chủ đầu tư lập quy hoạch:** Ủy ban nhân dân thành phố Vinh.

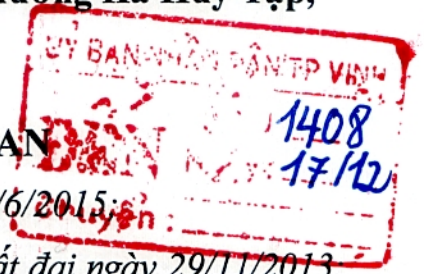
**3. Tư vấn lập quy hoạch:** Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại  
Đất Lành.

**4. Phạm vi ranh giới và thời hạn lập quy hoạch:**

4.1. Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc giáp: Xã Nghi Phú;
- Phía Nam giáp: Phường Hưng Bình, phường Hưng Phúc;
- Phía Đông giáp: Xã Hưng Lộc;
- Phía Tây giáp: Phường Quán Bàu.

4.2. Niên độ quy hoạch: Đến năm 2030.



Handwritten signatures and initials in blue ink on the left side of the document.



## 5. Tính chất, chức năng:

- Là đơn vị hành chính của thành phố Vinh, gồm các khu chức năng chính: Khu ở dân cư, thương mại dịch vụ, khu hành chính, văn hóa, các công trình công cộng.
- Là khu vực đô thị chỉnh trang và phát triển mới, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.

## 6. Mục tiêu và nhiệm vụ của đồ án:

- Cụ thể hóa điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 và Đề án phát triển thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thành trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 12/6/2020.

- Điều tra đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, địa hình, hiện trạng xây dựng, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện kinh tế xã hội khu vực quy hoạch.

- Định hướng phát triển kinh tế xã hội, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng cơ sở, hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch.

- Tổ chức quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đồng bộ phù hợp thực tế của khu vực và định hướng điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Xây dựng quy định quản lý theo đồ án làm cơ sở pháp lý để quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

## 7. Quy mô đất đai, dân số:

### 7.1. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng: 21.057 người.
- Dân số khu vực dự báo đến năm 2030: 24.000 người.

### 7.2. Quy mô đất đai: Tổng diện tích khu đất quy hoạch 214,55ha.

**8. Cơ cấu quy hoạch phân khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:** Theo bản vẽ QH 04, QH 05.

### 8.1. Công trình công cộng:

a) Trung tâm hành chính phường (ký hiệu CC.UB-01): Được giữ nguyên tại vị trí cũ hiện có, giáp đường Hải Thượng Lãn Ông, thuộc khối 5. Các công trình xây dựng gồm: Trụ sở HĐND, UBND phường, Đội thuế. Diện tích: 3.099,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 40 - 45%; tầng cao từ 1 - 3 tầng.

b) Công an phường (ký hiệu CC.CA-02): Được giữ nguyên tại vị trí cũ hiện có, giáp đường Hải Thượng Lãn Ông, thuộc khối 5. Diện tích: 2.098,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 40 - 45%; tầng cao từ 1 - 3 tầng.



c) Đài tưởng niệm (ký hiệu ĐTN-02): Được giữ nguyên tại vị trí hiện có, nằm phía Tây Bắc đường Hải Thượng Lãn Ông, thuộc khối 13. Diện tích: 1.528,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 15 - 20%.

d) Công trình y tế:

- Trạm Y tế phường (ký hiệu YT-01): Được giữ nguyên tại vị trí cũ đã có, nằm phía Đông Nam đường Hải Thượng Lãn Ông thuộc khối 5 (giáp phía Đông trụ sở Công an phường). Diện tích: 2.215,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 35 - 40%; tầng cao từ 1 - 2 tầng;

- Bệnh viện Tai Mũi họng Miền Trung (ký hiệu YT-04), Bệnh viện Mắt Sài Gòn (ký hiệu YT-02), Bệnh viện Y học cổ truyền (ký hiệu YT-05), Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Vinh (ký hiệu YT-03): Được giữ nguyên tại vị trí hiện có, tổng diện tích: 20.140,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 35 - 45%; tầng cao từ 1 - 11 tầng.

e) Nhà văn hóa xóm, cây xanh + thể thao:

- Nhà văn hóa (ký hiệu VH-01, VH-02,...VH-21, VH-22): Gồm 22 khu được giữ nguyên tại các vị trí cũ, từng bước xây dựng chỉnh trang đảm bảo đạt tiêu chuẩn. Tổng diện tích: 8.793,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng 50 - 80%; tầng cao 1 tầng.

- Khu cây xanh + sân thể thao (ký hiệu CX-01, CX-02... CX-18, CX-20): Có 20 khu, trong đó giữ nguyên 16 khu tại các vị trí hiện có. Quy hoạch xây dựng mới 04 khu (ký hiệu từ CXTT-16, CXTT-17, CXTT-18, CXTT-20) trên các khu đất trống. Tổng diện tích: 28.091,0m<sup>2</sup>;

- Trung tâm thể dục thể thao thành phố (ký hiệu CX-TT5.1): Giữ nguyên tại vị trí hiện có, nằm phía Tây Nam đường Lê Văn Miến, thuộc khối 17. Diện tích: 10.516,0 m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng 35 - 40%; tầng cao 2 tầng.

f) Công trình giáo dục:

- Trường mầm non: Có 05 trường được giữ nguyên tại vị trí hiện có, gồm: Trường mầm non tuổi thần tiên (ký hiệu TH3-MN1); Trường mầm non Hà Huy Tập (ký hiệu TH7-MN2); Trường mầm non khối Tân Hòa (ký hiệu TH9-MN03); Trường mầm non Sunrise (ký hiệu TH10-MN04) và Trường mầm non Hoàng Anh (ký hiệu TH12-MN5) được giữ nguyên tại vị trí hiện có. Tổng diện tích: 6.812,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 35 - 60%, tầng cao từ 1 - 5 tầng.

- Trường tiểu học: Có 02 trường được giữ nguyên tại vị trí hiện có, gồm: Trường Tiểu học Hà Huy Tập 1 (ký hiệu TH2-C1A), Trường Tiểu học Hà Huy Tập 2 (ký hiệu TH6-C1B). Tổng diện tích: 9.272,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 30 - 45%; tầng cao từ 1 - 3 tầng.

- Trường THCS Hà Huy Tập (ký hiệu TH8-C2): Được giữ nguyên tại vị trí hiện có, nằm phía Tây Bắc đường Hải Thượng Lãn Ông, thuộc khối 13. Diện tích: 11.281,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 30 - 45%; tầng cao từ 1 - 3 tầng.

- Trường PTTH Nguyễn Trường Tộ (ký hiệu TH5-C3): Giữ nguyên tại vị trí hiện có, nằm phía Tây Bắc đường Lưu Đức An, thuộc khối Yên Toàn. Diện tích: 11.241,75m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 30 - 45%; tầng cao từ 1 - 3 tầng.



- Trường Đại học Kinh tế Nghệ An (ký hiệu TH4-ĐH): Giữ nguyên tại vị trí hiện có, nằm phía Tây Bắc đường Lý Tự Trọng, thuộc khối 12. Diện tích: 37.987,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 30 - 45%; tầng cao từ 1 - 7 tầng.

- Trường Trung cấp nghề Kinh tế Kỹ thuật (ký hiệu TH11-DN): Giữ nguyên tại vị trí hiện có, nằm phía Đông Bắc đường Lê Nin, thuộc khối Yên Hòa. Diện tích: 40.262,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 30 - 45%; Tầng cao từ 1 - 5 tầng.

8.2. Công trình cơ quan (ký hiệu CQ-01; CQ-02.... CQ-27; CQ-28): Gồm 28 cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn được giữ nguyên tại vị trí hiện có: Viện Quy hoạch kiến trúc Nghệ An; Chi cục Dân số - KHH Gia đình, Cục Dự trữ Nhà nước, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.... Tổng diện tích: 59.555,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 40 - 60%; tầng cao từ 1 - 5 tầng.

### 8.3. Công trình thương mại dịch vụ:

- Chợ Hà Huy Tập (ký hiệu CH-02); Chợ Phong Toàn (ký hiệu CH-01): Giữ nguyên tại vị trí hiện có, nằm tại khối 11 và khối Yên Toàn. Tổng diện tích: 7.998,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng 40 - 60%; tầng cao 1 - 2 tầng.

- Khu dịch vụ thương mại (Ký hiệu TM-01, TM-02..., TM-31; TM-32): Gồm 32 khu được giữ nguyên tại vị trí hiện có, bám dọc các trục đường Mai Hắc Đế, Nguyễn Trãi, Lê Nin, Đại Lộ Vinh - Hưng Tây 72m (gồm: Khách sạn Bắc Kinh, Khách sạn Đông Đô, Trung tâm thương mại Hưng Xuân Lam, Salon Ô tô Dũng Lạc, Salon Ô tô VinFast, Trung tâm thương mại Mỹ Thành Hưng...). Tổng diện tích: 65.251m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 40 - 65%; tầng cao từ 1 - 12 tầng. Đối với công trình xây dựng có chiều cao vượt quá 45m thì phải có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng.

### 8.4. Khu ở dân cư (ký hiệu OC, OCT và OM):

- Bao gồm khu dân cư hiện trạng, các dự án phát triển nhà ở thấp tầng, cao tầng đã và đang xây dựng, các khu dân cư quy hoạch mới. Tổng diện tích: 1.152.723,0m<sup>2</sup>.

+ Tầng cao: Đối với các lô đất bám trục đường <15m, tầng cao tối đa 6 tầng; Đối với các lô đất bám trục đường ≥ 15m tầng cao tối đa 8 tầng.

+ Mật độ xây dựng trong từng lô đất xây dựng nhà ở từ 80 - 100%.

- Đối với các dự án phát triển nhà ở (cao tầng, thấp tầng) đã có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

8.5. Công trình An ninh quốc phòng (ký hiệu QP): Được giữ nguyên vị trí hiện có Trường Quân sự tỉnh và một số vị trí khác. Tổng diện tích đất 22.324,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng từ 30 - 45%; tầng cao 1 - 3 tầng.

8.6. Nghĩa trang (ký hiệu ND): Một vài khu nghĩa trang hiện trạng trước mắt được giữ nguyên và khoanh vùng bảo vệ, không cho mai táng mới. Tương lai sẽ di chuyển về nghĩa trang tập trung của thành phố và khu vực này được quy hoạch xây dựng khu cây xanh. Diện tích 1.285,0m<sup>2</sup>.



### 9. Quy hoạch sử dụng đất: Thống nhất theo bản vẽ QH-04

Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng đất:

TT	Thành phần sử dụng đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Đất XD công trình công cộng	188.760	8,80
	- Trung tâm hành chính (UBND, MTTQ, Công an)	3.099	
	- Đất công an phường	2.098	
	- Đài tưởng niệm	1.528	
	- Đất công trình y tế	11.863	
	- Nhà văn hóa, cây xanh thể thao	42.703	
	- Đất công trình giáo dục	127.469	
2	Đất xây dựng cơ quan	59.555	2,78
3	Đất xây dựng công trình thương mại dịch vụ	85.399	3,98
	- Chợ	7.998	
	- Trung tâm thương mại	77.401	
4	Đất ở dân cư	1.152.723	53,73
	- Đất ở hiện hữu (cải tạo chỉnh trang)	1.101.407	
	- Đất ở xây dựng mới	44.613	
	- Đất ở chung cư cao tầng	6.703	
5	Đất an ninh, quốc phòng	22.324	1,04
6	Đất nghĩa trang	1.285	0,06
7	Mặt nước	28.856	1,34
8	Đất giao thông	606.629	28,27
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.145.531</b>	<b>100,00</b>

### 10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Giao thông: Thống nhất theo bản vẽ QH-06.

a) Mặt cắt ngang các tuyến đường:

TT	Mặt cắt	Tên đường	Quy mô mặt cắt ngang			
			Mặt đường (m)	Giải phân cách, kênh nước (m)	Via hè (m)	Chi giới đường đỏ (m)
1	1 - 1	Đường 72m	2 x 16,0	16,0	2 x 12,0	72,0
2	2 - 2	Đại Lộ Lê Nin	2 x 16,0	4,0	2 x 10,0	56,0
3	3 - 3	Mai Hắc Đế	2 x 10,5	2,0	2 x 11,0	45,0
4	3'-3'	Nguyễn Trãi	2 x 9,5	2,0	2 x 10,0	41,0



TT	Mặt cắt	Tên đường	Quy mô mặt cắt ngang			
			Mặt đường (m)	Giải phân cách, kênh nước (m)	Via hè (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)
5	4 - 4	Nguyễn Sỹ Sách	2 x 9,5	2,0	2 x 9,5	40,0
6	4'-4'	Nguyễn Sỹ Sách + Kênh Bắc + Phùng Chí Kiên	16,0 + 6,0	16,5	(12 + 6) + (3,0 x 2)	62,5
7	5-5	Hà Huy Tập, Phạm Đình Toái	15,0	0	2 x 7,5	30,0
8	6-6	Hải Thượng Lãn Ông kéo dài và Nguyễn Năng Tĩnh	12,0	0	2 x 6,0	24,0
9	7-7	Đường Trương Văn Lĩnh	10,5	0	6,75+5,25	22,5
10	7'-7'	Đường Lê Doãn Sửu	10,5	0	2 x 5,25	21,0
11	8-8	Đường QH 12m, Lưu Đức An, Phan Thái Ất, Hoàng Phan Thái, Hoàng Văn Thụ, Hải Thượng Lãn Ông	9,0	0	2 x 4,5	18,0
12	8'-8'	Đường Tuệ Tĩnh	7,5	0	2 x 5,25	18,0
13	9-9	Đường Lý Tự Trọng, Phan Thái Ất	9,0	0	2 x 3,0	15,0
14	9'-9'	Nguyễn Trương Khoát	6,0	0	2 x 4,5	15,0
15	9*-9*	Đường quy hoạch 15m	7,0	0	2 x 4,0	15,0
16	10-10	Đường quy hoạch 12m, Tổng Duy Tân, Tô Ngọc Vân, Tôn Thất Thuyết, Lê Văn Miến, Nguyễn Năng Tĩnh, Trần Quang Khải, Trần Quốc Toàn, Nguyễn Trọng Phiệt, Nguyễn Thị Ngọc Oanh, Phùng Chí Kiên	7,0	0	2 x 2,5	12,0
17	10'-10'	Đường quy hoạch 10m	6,0	0	2 x 2,0	10,0
18	10*-10*	Đường quy hoạch 10m	4,0	0	2 x 3,0	10,0
19	11-11	Đ. quy hoạch 9m, Yên Toàn	7,0	0	2 x 1,0	9,0
20	11'-11'	Đ. quy hoạch 9m, Trung Yên	6,0	0	2 x 1,5	9,0
21	11*-11*	Đường quy hoạch 9m, Phan Tấn Thông	5,0	0	2 x 2,0	9,0
22	11"-11"	Đường quy hoạch 9m	4,0	0	2 x 2,5	9,0
23	12-12	Đường quy hoạch 8m	5,0	0	2 x 1,5	8,0
24	12'-12'	Đường quy hoạch 8m	4,0	0	2 x 2,0	8,0
25	13-13	Đường quy hoạch 8m	5,0	0	2 x 1,0	7,0
26	13'-13'	Đường quy hoạch 8m	4,0	0	2 x 1,5	7,0



Ngoài các mặt cắt được xác định nêu trên, đối với các khu vực đầu tư xây dựng mới sau này yêu cầu quy hoạch chi tiết đường giao thông trong từng khu chức năng phải đảm bảo:

- Lòng rộng từ 5,5m đến 7,5m, vỉa hè đảm bảo tối thiểu 3,0m;
- Lòng rộng từ 7,5m đến 10,5m, vỉa hè đảm bảo tối thiểu 4,0m;
- Lòng rộng từ 10,5m trở lên, vỉa hè đảm bảo tối thiểu 5,0m.

b) Chỉ giới xây dựng:

- Các công trình đã xây dựng: Giữ nguyên hiện trạng.
- Các công trình xây dựng nằm trong dự án đã có quy hoạch tỷ lệ 1/500 được cấp thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy hoạch được duyệt.
- Các công trình xây dựng mới: Tuân thủ theo quy hoạch xây dựng phường được duyệt. Một số công trình tùy theo tính chất, chức năng, tầng cao công trình và điều kiện thực tế xây dựng để xác định khoảng lùi theo đúng quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng.

c) Bãi đỗ xe (ký hiệu P): Bố trí 06 bãi đậu xe công cộng kết hợp trong các khu cây xanh + thể thao (ký hiệu CXTT-05; CXTT-06, CXTT-11, CXTT-16; CXTT-17 và CXTT-18). Ngoài ra bãi đỗ xe còn được bố trí tại các vịnh trên vỉa hè tại các trục đường lớn như đường: Lê Nin, Nguyễn Sỹ Sách, Mai Hắc Đế...

d) Giao thông công cộng: Giữ nguyên vị trí các tuyến xe buýt và bến xe buýt hiện có trên trục đường Nguyễn Trãi, Mai Hắc Đế, đại lộ Lê Nin.

e) Giao thông khác mức: Tại nút giao giữa đường Nguyễn Sỹ Sách với đường Hà Huy Tập; Đảo giao thông Quán Bàu; nút giao đường Mai Hắc Đế với đường Nguyễn Sỹ Sách... có thể xem xét bố trí nút giao khác mức khi cần thiết và phương án cụ thể sẽ được thực hiện theo dự án chuyên ngành riêng.

10.2. *Chuẩn bị kỹ thuật*: Thống nhất theo bản vẽ QH-07.

a) San nền: Cao độ san nền giao động từ 5,13m đến 5,50m;

b) Thoát nước mưa: Hướng thoát nước chính từ Bắc xuống Nam. Toàn bộ nước mưa trong các khu dân cư, công trình công cộng... trên địa bàn Phường được thu gom vào các mương thoát nước chính trên các tuyến đường: Nguyễn Trãi, Mai Hắc Đế, Hà Huy Tập, Nguyễn Sỹ Sách, Lê Nin, Tuệ Tĩnh và tuyến mương số 16 rồi đổ vào kênh Bắc và thoát xuống hồ điều hòa tại xã Hưng Hòa.

Quy hoạch xây dựng tuyến mương thoát nước chính rộng 1,5m đến 2,0m trên vỉa hè phía Bắc đường Nguyễn Sỹ Sách (đoạn từ đường Mai Hắc Đế đến đường Hà Huy Tập) phục vụ thoát nước cho phường Hà Huy Tập và một phần lưu vực của các phường Lê Lợi, Quán Bàu.

10.3. *Cấp nước*: Thống nhất theo bản vẽ QH-08.

- Nguồn nước sạch được lấy từ Nhà máy cấp nước Hưng Vĩnh có công suất: 60.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 180 lít/người.ngày.đêm.



- Tổng công suất tính toán: 6.650 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn nước phòng cháy chữa cháy sử dụng chung với nguồn nước sinh hoạt. Sử dụng 105 trụ cứu hỏa kiểu nổi đường kính D125 theo TCVN 6379-1998 đặt trên các đường chính, khoảng cách giữa các trụ ≤ 150m.

*10.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:* Thống nhất theo bản vẽ QH-10.

- Thoát nước thải: Trước mắt nước thải thoát chung nước mưa, tương lai thoát theo mạng riêng. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại chân công trình trước khi thoát vào mạng chung. Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy theo tiêu chuẩn cấp, tỷ lệ thu gom 90%. Tổng công suất 5.985m<sup>3</sup>/ng.đ.

- Vệ sinh môi trường: Rác thải được thu gom tại các thùng chứa rác và tập trung đưa về các điểm tập kết tạm thời bố trí chung trong các bãi đậu xe, vườn hoa, sau đó đưa về khu xử lý tập trung tại xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc. Tổng công suất là 2.100m<sup>3</sup>/ng.đ.

*10.5. Cấp điện:* Thống nhất theo bản vẽ QH-09.

- Nguồn điện cấp cho phường được lấy từ 2 nguồn: Đường dây trung thế 22KV từ trạm trung gian Hưng Đông và đường dây trung thế 22KV, 35KV từ trạm trung gian Bến Thủy.

- Công suất định mức: 21.096,48KVA.

- Xây dựng mới 44 trạm biến áp loại 22/0,4KV có tổng công suất 21.390KVA và giữ nguyên 42 trạm biến áp hiện trạng, đồng thời kết hợp thay thế dần các trạm biến áp tiêu thụ 10/0,4KV thành loại trạm 22/0,4KV.

*10.6. Thông tin liên lạc:*

- Sử dụng từ nguồn thông tin liên lạc chung thông qua tuyến cáp quang của thành phố Vinh.

- Công nghệ mạng thế hệ tiếp theo (Next Generation Networks- NGN), Công nghệ WiMax, Công nghệ 3G/4G/5G và Mobile Internet sẽ là công nghệ chủ yếu được khai thác trong những năm tiếp theo.

- Hạ tầng mạng ngoại vi tại khu vực thành phố trong giai đoạn tới cần được phát triển theo xu hướng ngầm hóa (xây dựng hạ tầng cống bê tông hóa mạng cáp).

*10.7. Đánh giá môi trường chiến lược:*

- Trong quá trình thi công xây dựng các công trình, phải có phương án đảm bảo về tiếng ồn, rác thải xây dựng và an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Trong quá trình khai thác, vận hành phải quản lý tốt việc thu gom rác thải, xử lý nước thải sinh hoạt. Nghiêm cấm việc xả nước thải chưa qua xử lý vào hệ thống mạng thoát nước chung. Quản lý tốt hệ thống ống dẫn nước thải, tránh sự rò rỉ nước thải ra ngoài làm ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát định kỳ về môi trường đất, nước, địa chất, không khí, tiếng ồn, rác thải, biến động hệ sinh thái tại khu vực, các điểm có khả năng gây ra sự cố môi trường, các khu vực nhạy cảm về môi trường.



## 11. Thiết kế đô thị:

- Phân vùng kiến trúc cảnh quan: Được phân thành các trục cảnh quan chính và phát triển hài hoà giữa các khu vực cũ và mới.

- Một số vị trí có quy hoạch xây dựng công trình tạo điểm nhấn kiến trúc cảnh quan đô thị sẽ được xem xét cụ thể về hình thức kiến trúc, tầng cao, mật độ xây dựng, chỉ giới xây dựng, hệ số sử dụng đất trong quy hoạch chi tiết đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế.

12. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ bản vẽ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

**Điều 2.** Trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu và Quy định quản lý theo quy hoạch được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan liên quan thực hiện như sau:

1. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý quy hoạch, sử dụng đất, đầu tư xây dựng công trình theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Vinh hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện; đồng thời chuyển giao các bản vẽ quy hoạch được duyệt để các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý theo quy định (bao gồm: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh và Ủy ban nhân dân phường Hà Huy Tập).

3. Ủy ban nhân dân thành phố Vinh lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

4. Nghiêm cấm việc thay đổi đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt phải được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh tổng hợp, trình Sở Xây dựng thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét, giải quyết.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hà Huy Tập; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng; Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, CN, CVXD (Quyển).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Hoa